

Khánh Hòa, có mặt.

2. Ông Đinh Văn N. Địa chỉ: Thôn Lạc An, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Bà Đinh Thị P. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ). Vắng mặt.

4. Ông Đinh Văn T. Địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5. Ông Đinh Minh T. Địa chỉ: Thôn Phú Ân Nam 1, xã Diên An, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

6. Ông Đinh Xuân Q. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ). Vắng mặt.

7. Bà Đinh Thị Ngọc L. Địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

8. Ông Đinh Văn H. Địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

9. Bà Đinh Thị Thu T. Địa chỉ: huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

10. Bà Đinh Thị Tuyết N. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Đinh Thanh T. Địa chỉ: (không rõ địa chỉ). Vắng mặt.

12. Ông Đinh G.

13. Bà Đinh Thị Ngọc L.

Cùng địa chỉ: huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

14. Ông Đinh Quốc T. Địa chỉ: huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

15. Bà Đinh Thị Kiều O. Địa chỉ: huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

16. Bà Ngô Thị M.

17. Bà Đinh Thị H.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố D 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

18. Đinh Văn K. Địa chỉ: huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

19. Bà Đinh Thị Thanh V. Địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

20. Bà Đinh Thị Thanh H. Địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

21. Ông Đinh Hoàng T.

22. Bà Đinh Thị Thanh T.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố D 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

23. Bà Đinh Thị Thanh T. Địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

24. Đinh Hoàng T. Địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

25. Bà Đinh Thị H. Địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

26. Bà Nguyễn Thị H.

27. Ông Đinh T V.

28. Ông Đinh T V.

Cùng địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

29. Bà Phan Thị L. Địa chỉ: thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Đinh Thị Thanh T;

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 17/3/2020 và quá trình tố tụng, người khởi kiện bà Đinh Thị Thanh T, người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị Ngọc H trình bày:*

Nguyên thừa đất có diện tích 325,5m² nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (sau đây viết tắt là Thửa đất số 94) thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Thị T (bà nội của bà T) được cha mẹ cho để làm nhà ở khi lập gia đình với cụ Đinh T (kèm theo Giấy phê bằng xác nhận nguồn gốc đất năm Khải Định thứ 2 ngày 22 tháng 9). Sau khi được cha mẹ cho đất, vợ chồng cụ Nguyễn Thị T làm nhà ở. Năm 1980 cụ Đinh T chết, ngày 09/02/1993 cụ Nguyễn Thị T chết đều không để lại di chúc. Do đó, theo quy định pháp luật thừa kế, toàn bộ Thửa đất số 94 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T.

Cụ Nguyễn Thị T và cụ Đinh T sinh được 08 người con, gồm:

- Ông Đinh N (sinh năm 1930, chết năm 1988), có vợ là bà Phan Thị N (chết) và các con: Đinh Phong H, Đinh Văn N, Đinh Thị P, Đinh Văn T, Đinh Minh T, Đinh Xuân Q, Đinh Thị Ngọc L, Đinh Văn H, Đinh Thị Thu T.

- Ông Đinh Văn T (sinh năm 1937, chết năm 2015), có vợ là bà Nguyễn Thị N (chết) và các con: Đinh Thị Tuyết N, Đinh Văn T (chết), Đinh Thanh T (không xác định địa chỉ).

- Ông Đinh N (sinh năm 1939, chết năm 2014), có vợ là bà Lê Thị P và các con: Đinh G, Đinh Thị Ngọc L, Đinh Quốc T, Đinh Thị Mỹ T, Đinh Thị Kiều O.

- Ông Đinh C (sinh năm 1941, chết năm 2015), có vợ là bà Ngô Thị M và các con: Đinh Thị H, Đinh Văn K, Đinh Thị Thanh V, Đinh Thị Thanh H, Đinh Hoàng T, Đinh Thị Thanh T, Đinh Thị Thanh T, Đinh Hoàng T, Đinh Thị Thanh T.

- Bà Đinh Thị N (sinh năm 1943, chết năm 1999), có chồng và con nhưng không có thông tin;

- Bà Đinh Thị H (sinh năm 1945), có chồng là ông Nguyễn T (sinh năm 1942) và các con: Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Song T, Nguyễn Duy T, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Thị Đan T (không rõ địa chỉ).

- Ông Đinh C (sinh năm 1947, chết năm 2004), có vợ là bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1948) và các con: Đinh T V, Đinh T V.

- Ông Đinh M (sinh năm 1950, chết năm 1970), không có vợ, con.

Ngày 24/9/2012, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 175709, số vào sổ cấp GCN: CH02046 đối với Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41, diện tích 325,5m² tại thị trấn D, huyện D cho ông Đinh Phong H

(sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046) theo “*Đơn đề nghị cấp giấy chứng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” ngày 01/3/2012 của ông Đinh Phong H. Cơ sở để ông Đinh Phong H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là theo “*Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế*” giữa chín người con của ông Đinh N và bà Phan Thị N. Như vậy, ông Đinh Phong H được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận theo diện thừa kế.

Theo Bản tự kê khai ngày 01/3/2012 về nguồn gốc Thửa đất số 94 ông Đinh Phong H trình bày, thửa đất có nguồn gốc: “*Đất do ông bà cha mẹ để lại theo truyền thống V Nam. Có giấy tờ chữ Hán và được công chứng. Nhà do cha mẹ các anh em và vợ chồng đóng góp xây dựng. Cha mất năm 1988, mẹ mất năm 1992. Từ khi cha mất tôi về ở nuôi và lo tròn nghĩa vụ cho đến nay. Giấy tờ chữ Hán do ông cố Nguyễn Văn Đ để lại cho bà nội Nguyễn Thị T*” và theo Giấy xác nhận của UBND thị trấn D tháng 4/2012 nguồn gốc quá trình sử dụng đất: “*Ông bà cha mẹ để lại có giấy phê bằng xác nhận năm Khải Định thứ 2...*”.

Thửa đất số 94 là di sản cụ Nguyễn Thị T để lại, cụ T mất năm 1993 và tại thời điểm 1993 cụ Nguyễn Thị T không để lại Thửa đất số 94 cho ông Đinh Phong H. Ông Đinh N, bà Phan Thị N và ông Đinh Phong H không có tên trong bất kỳ văn bản, hồ sơ địa chính nào liên quan đến Thửa đất số 94, ông H không phải là người thừa kế hợp pháp của cụ Nguyễn Thị T nhưng tự ý kê khai di sản trở thành tài sản riêng của chính mình là hoàn toàn trái pháp luật, trong khi tại thời điểm kê khai, những người ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị T vẫn còn sống (ông Đinh Văn T, Đinh T, Đinh C và bà Đinh Thị H).

Tại bản trình bày ý kiến về vụ kiện ngày 14/9/2020 của UBND huyện D có ghi: “*Nguồn gốc sử dụng đất: ông Đinh Phong H được nhận tài sản thừa kế do cha, mẹ để lại theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được UBND thị trấn D chứng thực ngày 01/03/2012*” và UBND huyện D chỉ căn cứ trên văn bản phân chia tài sản thừa kế của anh, chị, em ông Đinh Phong H để cấp Giấy chứng nhận là hoàn toàn không xem xét đến nguồn gốc thửa đất, không phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế.

Như vậy, UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02046 cho ông Đinh Phong H là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà Đinh Thị Thanh T và những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị T. Căn cứ khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP bà Đinh Thị Thanh T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046.

* *Tại Văn bản số 2426/UBND ngày 30/9/2020 của UBND huyện D và quá trình tố tụng, người bị kiện là UBND huyện D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Ông Đinh Phong H được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02046. Nguồn gốc sử dụng đất: Ông Đinh Phong H được nhận tài sản thừa kế do cha mẹ để lại theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được UBND huyện D chứng thực ngày 01/3/2012, số chứng thực 11/quyền số 01/TP-CC-SCT/HĐGD. Như vậy, việc UBND huyện D cấp GCN*

cho ông Đinh Phong H đúng quy định pháp luật và không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02046 theo yêu cầu của bà Đinh Thị Thanh T.

** Tại Bản trình bày ý kiến ngày 11/8/2020 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Phong H trình bày:*

Ông Đinh Phong H thống nhất với trình bày của người khởi kiện về quan hệ gia đình, nơi cư trú của cố Nguyễn Văn Đ, cụ Nguyễn Thị T, cụ Đinh T và con cháu. Về nguồn gốc và việc sử dụng Thửa đất số 94: Năm 2003, Nhà nước tổ chức đo đạc đất đai theo hiện trạng thực tế, sau đó yêu cầu các hộ gia đình khai báo nguồn gốc đất ở. Đất của ông đang ở là của cố Nguyễn Văn Đ có văn tự đất chữ Hán, cố Đ mất để lại cho bà nội là cụ Nguyễn Thị T. Ông Đinh N (cha của ông) là con trai trưởng nên giữ văn tự đoạn mãi đất này. Ông Đinh N chết năm 1988, cụ Nguyễn Thị T chết năm 1993. Tuy văn tự đoạn mãi đất chữ Hán chiếm gần như toàn bộ đất tại hẻm 164 Lạc Long Quân gồm nhiều hộ gia đình trong thân tộc nhưng ông H chưa bao giờ dùng để khai gian vì nhà cửa các gia đình có từ thời ông bà, sống ổn định và không có tranh chấp. Việc khai báo, ký giáp ranh các thửa đất được thực hiện và nộp cho bộ phận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện D. Năm 2010, ông Đinh C và bà Ngô Thị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 41; năm 2012, ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H được ông Đinh C ký và ngược lại hồ sơ Thửa đất số 74 của ông Đinh C được ông H ký. Khi ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046 ông Đinh C biết và không có ý kiến gì; mọi người trong thân tộc đều biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhau và không ai phản đối.

Thửa đất số 94 của ông có nguồn gốc đất rõ ràng, đất ở ổn định lâu dài và không có tranh chấp. Vì thế, yêu cầu của bà Đinh Thị Thanh T hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046 của ông là không có căn cứ pháp luật. Bà Đinh Thị Thanh T không đứng tên bất kỳ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào liên quan đến Thửa đất số 94, có chăng chỉ là người có quyền lợi liên quan đến Thửa đất số 74 đứng tên ông Đinh C và bà Ngô Thị M khi ông C mất năm 2015. Vì thế, bà T không thể xin chuyển quyền sử dụng đất Thửa đất số 74 dù có di chúc của ông Đinh C vì là đất đang tranh chấp tại Tòa án tỉnh Khánh Hòa (di chúc này chưa được Tòa án tỉnh công nhận).

Ngày 14/11/2019, bà Ngô Thị M có đơn kiện ông đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046, đòi chia lại đất đai. Ủy ban nhân dân thị trấn D đã hòa giải nhưng không thành do ông phản đối vì không có cơ sở pháp luật và hiện không có tranh chấp quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc đất cố Nguyễn Văn Đ để lại cho 02 người con gái là cụ Nguyễn Thị C và cụ Nguyễn Thị T; cụ C và cụ T để lại đất đai cho các con, các con để lại cho đời cháu... đều không có di chúc và đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

Thửa đất số 55 và 56 đứng tên Đinh Thị H và chồng (là con ông Đinh C và là cháu cụ Nguyễn Thị T).

Thửa đất số 57 đứng tên Đinh D (là con ông Đinh N và là cháu cụ Nguyễn Thị T).

Thửa đất số 58 đứng tên Lê A và vợ (là cháu cụ Nguyễn Thị C).

Thửa đất số 59 đứng tên Nguyễn Minh T (là con cụ Nguyễn Thị C).

Thửa đất số 71 đứng tên Đinh Văn T và Đinh Thị P (là con ông Đinh N và là cháu cụ Nguyễn Thị T).

Thửa đất số 73 đứng tên Đinh Thị Thanh T và chồng (là con ông Đinh C và là cháu cụ Nguyễn Thị T).

Thửa đất số 74 đứng tên Đinh C và Ngô Thị M (là con cụ Nguyễn Thị T).

Thửa đất số 94 đứng tên Đinh Phong H (là con ông Đinh N và là cháu cụ Nguyễn Thị T).

Nếu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046 thì hủy 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vì có cùng nguồn gốc và cách kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H trình bày:* Việc ông Đinh Phong H được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046 không có liên quan gì đến bà, nên bà không có yêu cầu gì đối với Thửa đất số 94. Bà không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong việc “*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất*” đã cấp cho ông Đinh Phong H tại Thửa đất số 94 nên xin được vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ và đối thoại cũng như tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông/bà Ngô Thị M, Đinh Thị Thanh T, bà Đinh Thị Ngọc L, ông Đinh Hoàng Tiến, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị Thanh T, Đinh Thị Thanh V, Đinh Thị Thanh H thống nhất trình bày:* UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046 cho ông Đinh Phong H là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị T và cụ Đinh T. Bởi vì Thửa đất số 94 là do ông bà nội (cụ Nguyễn Thị T và cụ Đinh T) để lại, khi ông bà nội mất không để lại di chúc nên Thửa đất số 94 phải được chia đều cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Các ông, bà đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02046. Vì lý do công việc nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông/bà Đinh Văn N, Đinh Thị P, Đinh Văn T, Đinh Minh T, Đinh Xuân Q, Đinh Thị Ngọc L, Đinh Văn H, Đinh Thị Thu T, Đinh Thị Tuyết N, Đinh Thanh T, Nguyễn Thị H, Đinh T V, Đinh T V và Phan Thị L:* Đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, không có lời khai hoặc địa chỉ không rõ ràng nên không thể triệu tập đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Toà án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người bị kiện vắng mặt nên việc đối thoại không thể thực hiện được. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh T về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 175709, số vào sổ cấp GCN: CH02046 do UBND huyện D cấp ngày 24/9/2012 đối với thửa đất số 94 tờ bản đồ số 41, diện tích 325,5m² tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cho ông Đinh Phong H, trú tại: Tổ dân phố 5, D 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/7/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kháng nghị, lý do kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá khách quan, toàn diện về những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bác yêu cầu của bà T là không đúng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh T.

Ngày 29/7/2022 bà Đinh Thị Thanh T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là không đúng pháp luật và vi phạm tố tụng, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T gửi văn bản trình bày ý kiến và giữ nguyên kháng cáo,

Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Kiểm sát viên về việc rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, tại phiên tòa phúc thẩm có vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên xét thấy việc xét xử vắng mặt các đương sự vắng mặt không liên quan đến kháng cáo và không làm ảnh hưởng gì đến quyền lợi của họ, bà Đinh Thị Thanh T là người kháng cáo, UBND huyện D là người bị kiện nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, căn cứ điểm c, Điều 229 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm nêu trên.

[2]. Xem xét đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng các thửa đất tại Hẻm 164, Lạc Long Quân, thị trấn D, huyện D có nguồn gốc là di sản của cụ cố Nguyễn Văn Đ để lại, có giấy tờ viết bằng chữ Hán, cụ Đ mất, di sản là quyền sử dụng đất được để lại cho hai người con gái là cụ Nguyễn Thị T và cụ Nguyễn Thị C, cụ T và cụ C chết không để lại di chúc, nhưng các con của cụ T và cụ C đã tự xác định quyền sử dụng đất theo hiện trạng và sử dụng ổn định từ năm 1993. Đối với vợ chồng cụ Nguyễn Thị T và cụ Đình T có 08 người con gồm các ông Đình N, Đình Văn T, Đình N, Đình C, Đình C, Đình M, các bà Đình Thị N, Đình Thị H, sau khi cụ T và cụ T chết đã để lại một số diện tích đất cho những người cùng hàng thừa kế quản lý, sử dụng, riêng thửa số 94 do ông Đình N quản lý, sử dụng, ngoài ra, đối với các thửa đất khác thể hiện do ông Đình C, ông Đình N quản lý, sử dụng.

Sau khi ông N chết (1988), thửa đất số 94 do ông Đình Phong H quản lý, sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 175709, sổ vào sổ cấp GCN: CH02046 do UBND huyện D cấp ngày 24/9/2012, đối với thửa đất số 94 tờ bản đồ số 41, diện tích 325,5m², tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, còn các thửa đất khác tại Hẻm 164 thuộc di sản của cụ T và cụ C thể hiện, thửa số 55, 56 đứng tên Đình Thị H (con của ông Đình C), thửa số 57 đứng tên Đình D (là con ông Đình N); Thửa đất số 58 đứng tên Lê A và vợ (là cháu cụ Nguyễn Thị C); Thửa đất số 59 đứng tên Nguyễn Minh T (là con cụ Nguyễn Thị C); Thửa đất số 71 đứng tên Đình Văn T và Đình Thị P (là con ông Đình N); Thửa đất số 73 đứng

tên Đinh Thị Thanh T và chồng (là con ông Đinh C) và Thửa đất số 74 đứng tên Đinh C và Ngô Thị M (là con trai và con dâu của cụ Nguyễn Thị T). Hầu hết những người thừa kế của cụ T, cụ C nêu trên cũng đã được cấp GCNQSDĐ (08 Giấy).

Xét thấy, việc sử dụng đất nói trên của những người thừa kế của cụ T và cụ C đều thuộc con cháu cụ, Nguyễn Thị C và vợ chồng cụ Nguyễn Thị T, cụ Đinh T là tự xác định và thống nhất trong những người ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ C, việc sử dụng của họ đã ổn định qua thời gian rất dài, các con của cụ T và cụ T từ trước đến nay không có tranh chấp về thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị T và cụ Đinh T, UBND huyện D cũng đã cấp 08 GCNQSDĐ liên quan đến di sản thừa kế của cụ T và cụ C, theo UBND huyện D việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Phong H là đúng trình tự, thủ tục và nội dung pháp luật quy định. Mặc khác, chính ông Đinh C (*cha của bà Đinh Thị Thanh T người khởi kiện vụ án hành chính*) là người cùng hàng thừa kế với ông Đinh N (*cha của ông Đinh phong H*) cũng đã được cấp GCNQSDĐ trên diện tích đất thừa kế từ di sản của cụ Nguyễn Thị T, quá trình lập hồ sơ, thủ tục và cấp GCNQSDĐ cho ông H, ông C đều đã biết rõ, đã ký xác nhận nhưng không có ý kiến gì. Bà Đinh Thị Thanh T cũng đã được ông Đinh C tặng cho và đã được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 73, có nguồn gốc là di sản của cụ Nguyễn Thị T để lại, trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T thì phải xem xét các quyết định hành chính có liên quan đến di sản của cụ T.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh T là có căn cứ, đúng pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà Thủy, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, Điều 229; khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh T giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh T về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 175709, sổ vào sổ cấp GCN: CH02046 do UBND huyện D cấp ngày 24/9/2012 đối với thửa đất số 94 tờ bản đồ số 41, diện tích 325,5m² tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cho ông Đinh Phong H, trú tại: Tổ dân phố 5, D 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Đinh Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009961 ngày 08/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Đ sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi